

Bản án số: 878/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07/9/2020.

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Phạm Thị Ngọc.

2/ Bà Nguyễn Phước Trinh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có: Ông Huỳnh Hải Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1511/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 288/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 224/2020/ QĐST-HNGĐ ngày 24/8/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đào Thị H. T, sinh năm 1978; (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Đào M. Đ, sinh năm: 1966. (vắng mặt)

Cùng ngụ địa chỉ: 80/10/2B đường Ba Sa, tổ 9, ấp C T, xã PH, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn ngày 18/11/2019, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đào Thị Hoàng T trình bày:

Bà và ông Đ tìm hiểu nhau khoảng 02 năm thì tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999, không tổ chức cưới, đăng ký kết hôn vào ngày 07/9/2001 tại UBND xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Hai vợ chồng chung sống tại nhà mẹ vợ tại xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, chung sống hạnh phúc khoảng 07 năm thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do ông Đ không lo làm ăn, suốt ngày ăn chơi, gái gú, về nhà kiểm chuyện gây gổ, không quan tâm đến vợ con, bất đồng quan điểm sống,...mặc dù vẫn còn ở chung nhà nhưng bà nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đào Minh Đ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đào Ngọc Anh Th, sinh ngày 02/7/2001 (đã thành niên) và Đào Ngọc Tường V, sinh ngày 11/02/2004. Bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đào Ngọc Tường V, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà xác định không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà xác định không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản chính); Bản sao giấy khai sinh; Chứng minh nhân dân + Sổ hộ khẩu (sao y).

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phát biểu ý kiến:

Về Tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; Tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Ông Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đ vẫn không đến Tòa án và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ gì có liên quan đến vụ kiện. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ và căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp; chứng cứ mà Tòa thu thập được để giải quyết vụ kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 91; các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị Hoàng T và ông Đào Minh Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 78, quyển số 01/2001 ngày 07/9/2001 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà T xin ly hôn với ông Đ là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Theo lời trình bày của bà T thì mâu thuẫn giữa bà với ông Đ là trầm trọng và không thể hàn gắn. Cuộc sống vợ chồng của ông bà không hạnh phúc, thường xuyên gây gổ, cãi vã, nguyên nhân do ông Đ không lo làm ăn, suốt ngày ăn chơi, gái gú, về nhà kiếm chuyện gây gổ, không quan tâm đến vợ con, bất đồng quan điểm sống,... Vì vậy, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông Đ không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai người không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đào Ngọc Anh Th, sinh ngày 02/7/2001 (đã thành niên) và Đào Ngọc Tường V, sinh ngày 11/02/2004. Xét yêu cầu của bà T là được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Đào Ngọc Tường V là có cơ sở chấp nhận vì trẻ V đang ở cùng bà, trẻ V cũng có nguyện vọng sống cùng với bà T

nếu cha mẹ ly hôn và bà T có đủ điều kiện nuôi con. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T là không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Bà T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi là có cơ sở nên chấp nhận.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Cần buộc bà T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đào Thị Hoàng T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị Hoàng T được ly hôn với ông Đào Minh Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 78, quyển số 01/2001 ngày 07/9/2001 của Ủy ban nhân dân xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà T và ông Đ không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Đào Ngọc Anh Th, sinh ngày 02/7/2001 (đã thành niên) và Đào Ngọc Tường V, sinh ngày 11/02/2004. Bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Đào Ngọc Tường V. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu ông Đ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Đ.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: không có.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) buộc bà Đào Thị Hoàng T phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp

là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2019/0083155 ngày 20/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; bà T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hùng Vương